

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 889/2022/HC-PT  
Ngày 11 - 11 - 2022  
V/v Khiếu kiện quyết định bồi thường,  
hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu  
hồi đất.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Thủy;

*Các Thẩm phán:* Ông Dương Tuấn Vinh;

Ông Lê Văn An.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 443/2022/TLPT-HC ngày 04 tháng 8 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 47/2022/HC-ST ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2056/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Ông Phan Thanh D, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Tổ 7, khu phố 8, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1985. (có mặt)

Địa chỉ: đường L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

**- Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Quang H, Chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố P, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường 30/4, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trương Quốc Th. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH M;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc Q, Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH M. (vắng mặt)

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà S, khu phố 6, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện ông Phan Thanh D và người đại diện ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Tháng 4 năm 2014 ông Phan Thanh D nhận chuyển nhượng 6.000m<sup>2</sup>, đất của ông Phạm Hồng H, thửa đất tọa lạc tại ấp 6, thị trấn A (nay là khu phố 6, phường A), thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Nguồn gốc đất do ông Phạm Văn T cha ruột ông H khai khẩn từ năm 1979 sau đó cho lại ông H. Việc chuyển nhượng chưa làm thủ tục sang tên theo qui định của pháp luật.

Ngày 23/12/2016 UBND huyện P (nay là thành phố P) ra Quyết định số 7811/QĐ-UBND thu hồi của ông D 6,103,3m<sup>2</sup> đất nêu trên (đo đạc thực tế) để thực hiện dự án cấp treo và quần thể vui chơi giải trí HT.

Ngày 30/12/2016 UBND huyện P ra Quyết định số 8986/QĐ UBND về việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của ông D. Quyết định này xác định đất thu hồi của ông D là đất nhà nước quản lý, bao chiếm trái phép có biên bản xử phạt số 15 ngày 19/01/2007, tiền bồi thường 0 đồng.

Ông D đã khiếu nại đến UBND huyện P, ngày 22/8/2017 Chủ tịch UBND huyện P đã ra Thông báo thụ lý đơn khiếu nại lần đầu của ông Phan Thanh D nhưng đến tháng 7/2018 vẫn chưa ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại.

Ngày 27/7/2018 ông D làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 8986/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 về việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất đối với ông Phan Thanh D.

Buộc UBND thành phố P ra quyết định bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho ông Phan Thanh D đối với diện tích đất bị thu hồi 6.103,3m<sup>2</sup> theo qui định của pháp luật.

Ngày 25/8/2020 ông Phan Thanh D có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án hủy quyết định thu hồi đất số 7811/QĐ-UBND vì đất thu hồi của ông D UBND chưa bồi thường nhưng đã giao cho Doanh nghiệp khai thác.

*Trong các văn bản số 690/UBND-NCPC ngày 07/11/2019; số 712/UBND-NCPC ngày 24/9/2020 và số 346/UBND-NCPC ngày 04/5/2021 Ủy ban nhân dân thành phố P trình bày như sau:*

Nguồn gốc thửa đất có diện tích 6.103,3m<sup>2</sup> ông Phan Thanh D đang khiếu nại tại dự án Cấp treo và Quần thể vui chơi giải trí biển HT - P tại thị trấn A,

huyện P, tỉnh Kiên Giang, trước năm 2005 là đất rừng phòng hộ thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ huyện P quản lý theo Quyết định 2163/QĐ-UB ngày 18/6/1998 của UBND tỉnh Kiên Giang, về việc giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 33.307,82ha cho Ban Quản lý rừng phòng hộ và rừng đặc dụng P (nay là Ban Quản lý rừng phòng hộ). Năm 2005 ông Phạm Hồng H vào phát dọn cỏ tranh để trồng dưa leo và sau đó trồng đào, tre,... Mặt khác, qua đối chiếu tài liệu thu thập được, vào năm 2007 Ban Quản lý rừng phòng hộ P có kiểm tra lập sơ đồ vị trí hiện trạng thửa đất đối với ông Phạm Hồng H sử dụng có diện tích đất là 4.356,5m<sup>2</sup> thể hiện đất trồng, trồng cỏ tranh, không có thành quả lao động.

Tháng 4/2014 ông Phạm Hồng H bán lại thửa đất trên cho ông Phan Thanh D, ông D tiếp tục quản lý, sử dụng trồng thêm tràm bông vàng, nuôi gà,... cho đến khi quy hoạch (có làm giấy tay mua bán).

Ngày 23/12/2016 UBND huyện P ban hành Quyết định số 7811/QĐ-UBND, về việc thu hồi đất diện tích 6.103,3m<sup>2</sup> của ông Phan Thanh D để thực hiện dự án.

Ngày 30/12/2016 UBND huyện P ban hành Quyết định số: 8986/QĐ-UBND, về việc không bồi thường về đất đai, hoa màu, vật kiến trúc cho ông Phan Thanh D, với lý do đất nhà nước quản lý, bao chiếm trái phép có biên bản xử phạt số 15 ngày 19/01/2007. Tuy nhiên, qua đối chiếu tài liệu thu thập được xác định không có Quyết định (biên bản) xử phạt số 15 ngày 19/01/2007 đối với ông Phạm Hồng H (hoặc ông Phan Thanh D); mà chỉ có quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 15/QĐ-XPHC : ngày 09/01/2007 của Chủ tịch UBND thị trấn A đối với ông Phan Công S (cha vợ ông Phạm Hồng H) ở tại 01 thửa đất khác.

Việc ông Phan Thanh D yêu cầu bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 6.103,3m<sup>2</sup> là không phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013, vì thửa đất này được ông Phạm Hồng H sử dụng sau ngày 01/7/2004.

Do đó, Chủ tịch UBND huyện (nay thành phố) P khẳng định việc ban hành Quyết định 8986/QĐ-UBND ngày 30/12/2016, về không bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Phan Thanh D là đúng quy định pháp luật; Không thừa nhận yêu cầu bồi thường quyền sử dụng đất đối với diện tích 6.103,3m<sup>2</sup> của ông Phan Thanh D.

UBND thành phố P không ban hành quyết định hỗ trợ thửa đất số 216: Thực hiện theo Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. UBND tỉnh Kiên Giang đã cụ thể hóa việc hỗ trợ được quy định tại Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của UBND tỉnh. Do đó, tại thời điểm UBND thành phố ban hành Quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án đối với thửa đất 216 thì thửa đất này không đủ điều kiện xem xét hỗ trợ vì thửa đất 216 có nguồn gốc do Phạm Hồng H khai phá sử dụng vào năm 2005 và bị Ban quản lý rừng phòng hộ lập biên bản, đến năm 2014 thì sang nhượng lại cho ông Phan Thanh D sử dụng. Do đó, UBND thành phố không xem xét hỗ trợ cho ông D.

*Ngày 19/4/2022 UBND thành phố P có văn bản trình bày ý kiến bổ sung nội dung:*

Trên cơ sở nội dung của Biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 11-12/3/2016 và Biên bản xác minh lần 2 ngày 18/12/2016 Hội đồng xét duyệt đất đai UBND thị trấn A đều xác định thửa đất diện tích 6.103,3m<sup>2</sup> mà ông D đang sử dụng có nguồn gốc do ông Phạm Hồng H bắt đầu sử dụng vào năm 2005 - 2006.

Tại Biên bản làm việc của Thanh tra thành phố P ghi lời trình bày của ông Phạm Hồng H ngày 03/10/2019, ông H trình bày thửa đất ông H chuyển nhượng cho ông D năm 2014 và thửa đất này do ông H phát dọn đồng cỏ tranh, vào năm 2005 để sử dụng trồng dưa leo, đến năm 2007 có Ban quản lý rừng phòng hộ P đến kiểm tra và đo đạc xác định hiện trạng với diện tích 4.356,5m<sup>2</sup>, diện tích còn lại lớn hơn là do ông D tự phát dọn sau khi nhận đất từ ông H. Ông Phạm Văn Đến là hộ giáp ranh cũng có lời khai thửa đất này do ông H phát dọn khoảng năm 2006.

Ngày 05/4/2022, Thanh tra thành phố P làm việc với 7 hộ dân gồm ông Nguyễn Trọng Ngh (nguyên Phó Chủ tịch UBND thị trấn A), ông Ngô Văn M (nguyên Công chức địa chính thị trấn A), ông Lê Văn Th (nguyên Chủ tịch Hội nông dân thị trấn A), ông Đỗ C (nguyên Trưởng Ban nhân dân khu phố 2, thị trấn A), ông Trà Thanh Nh (Trưởng ban nhân dân khu phố 5, thị trấn A), ông Vũ Văn Đ (Trưởng ban nhân dân khu phố 6, thị trấn A), cùng có nội dung xác định diện tích đất ông D đang khởi kiện có nguồn gốc do ông Phạm Hồng H phát dọn để chiếm đất sử dụng khoảng năm 2005 đến năm 2007 bị Ban quản lý rừng phòng hộ lập biên bản đối với hành vi chiếm đất do rừng quản lý.

Căn cứ vào sơ đồ vị trí thửa đất diện tích 4.356,5m<sup>2</sup> mà Ban quản lý rừng phòng hộ P lập ngày 23/7/2007 đối với Phạm Hồng H và ông H xác định trên thực địa tại Biên bản do UBND thị trấn A lập ngày 01/7/2016 thì vị trí thửa đất diện tích 4.356,5m<sup>2</sup> do Ban quản lý rừng phòng hộ P lập ngày 23/7/2007 và thửa đất 6.013,3m<sup>2</sup> ông D đang khởi kiện là cùng 1 thửa. Đồng thời, nội dung này cũng được UBND phường A khẳng định tại Biên bản làm việc của Thanh tra thành phố P ngày 05/4/2022.

Thửa đất ông D khởi kiện là thửa đất số 10 được ông Phan Công S kê khai khi lập phương án dự án Đ được Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang đo đạc, kiểm kê ngày 28/9/2007 diện tích 5.557,9m<sup>2</sup> (nằm trong diện tích 6.103,3m<sup>2</sup>), đến ngày 29/3/2008 sau khi phúc tra đã chuyển thửa đất này sang cho ông H đứng tên.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH M:* không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 11/02/2022.

Ông Nguyễn Văn H rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc hủy Quyết định thu hồi đất số 7811/QĐ-UBND của UBND thành phố P. Yêu cầu Tòa án

hủy Quyết định số 8986/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 về việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất đối với ông Phan Thanh D.

Buộc UBND thành phố P ra quyết định bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho ông Phan Thanh D đối với diện tích đất bị thu hồi 6.103,3m<sup>2</sup> theo qui định của pháp luật.

Người làm chứng ông Phạm Phú C; ông Phạm Hồng H đều xác định thửa đất của ông D đang khởi kiện có nguồn gốc do cha ông H, ông C là ông Phạm Văn T khai khẩn từ năm 1979 và cho lại ông H. Thửa đất này có cùng nguồn gốc với thửa đất ông C giáp ranh. Khi đất ông C bị thu hồi cũng không được bồi thường. Ông C khiếu nại, Chủ tịch UBND thành phố P chấp nhận khiếu nại và UBND thành phố P đã ra Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 27/02/2020 bổ sung bồi thường, hỗ trợ cho ông Phạm Phú C số tiền 8.821.840, 800 đồng.

Đại diện UBND thành phố P xác định ông Phan Thanh D yêu cầu bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 6.103,3m<sup>2</sup> là không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013, vì thửa đất này được ông Phạm Hồng H sử dụng sau ngày 01/7/2004.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH M vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 47/2022/HC-ST ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định như sau:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh D.

Hủy Quyết định số 8986/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất đối với ông Phan Thanh D.

Buộc UBND thành phố P ban hành Quyết định bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho ông Phan Thanh D theo qui định của pháp luật đối với diện tích đất 6.130,3m<sup>2</sup> bị thu hồi.

Đình chỉ yêu cầu hủy Quyết định số 7811/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND huyện (nay thành phố) P về việc thu hồi đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/4/2022, Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác nội dung buộc UBND thành phố P ban hành Quyết định bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 6.130,3m<sup>2</sup> cho người khởi kiện ông Phan Thanh D theo quy định của pháp luật, đồng thời bác toàn bộ nội dung khởi kiện của ông Phan Thanh D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho UBND thành phố P đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu của ông Phan Thanh D. Phần đất tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông D cho rằng ông T sử dụng từ năm 1979 nhưng ông T không đăng ký kê khai dù Luật Đất đai 1993, Luật Đất đai

2003 cho phép đăng ký kê khai. Ông T, bà B đăng ký kê khai ở thửa đất khác. Do phần đất ông H bán cho ông D là đất thuộc rừng phòng hộ nên không có căn cứ để bồi thường, hỗ trợ cho ông D.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Đất của ông D có nguồn gốc cha nhận chuyển nhượng của ông H. Phần đất này ông T khai hoang, canh tác, sử dụng ổn định; sau đó ông T cho ông H; ông H chuyển nhượng cho ông D. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- *Về chấp hành pháp luật:* Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

- *Về nội dung:* Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Trên cơ sở xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến tranh luận của các bên, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P làm trong hạn luật định, là hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Theo quy định tại Điều 13 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về điều kiện bồi thường về đất cho người đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất như sau: “1. Khi Nhà nước thu hồi đất mà người sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP mà đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại Điều 101 và Điều 102 của Luật Đất đai, các Điều 20, 22, 23, 25, 27 và 28 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì được bồi thường về đất”. Đối chiếu với quy định này, để xem xét diện tích đất mà ông Phan Thanh D bị thu hồi có đủ điều kiện được bồi thường giá trị quyền sử dụng đất hay không cần phải xem xét người bị thu hồi đất có giấy tờ về quyền sử dụng đất hay không hoặc có đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không.

Diện tích 6.103,3m<sup>2</sup> đất mà ông Phan Thanh D bị thu hồi tọa lạc tại Khu phố 6, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Về nguồn gốc đất: Theo ông Phan Thanh D trình bày: Tháng 4/2004, vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của ông Phạm Hồng H khoảng 6000m<sup>2</sup> đất tại ấp 6, thị trấn A, có nguồn gốc do cha ông H là ông Phạm Văn T khai phá từ năm 1979, sau đó cho ông H. Tuy nhiên, theo giấy mua bán viết tay (không có xác nhận của chính quyền địa phương) giữa

ông Phạm Hồng H với ông S thể hiện việc chuyển nhượng diễn ra năm 2014. Lời khai của ông H cũng xác nhận việc chuyển nhượng được thực hiện vào năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H, ông D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện quá trình sử dụng đất, gia đình ông H có đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất, có đóng thuế sử dụng đất trong suốt quá trình sử dụng đất từ năm 1979 như lời trình bày của đương sự.

Trong khi đó, tài liệu quản lý đất đai tại địa phương thể hiện: Phần diện tích đất tranh chấp thuộc ranh rừng phòng hộ theo Quyết định 2163 ngày 18/6/1998 của UBND tỉnh Kiên Giang, nằm trong ranh rừng phòng hộ mới theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 609257 của BQL rừng phòng hộ P do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 06/3/2013.

Theo Biên bản kiểm kê diện tích đất, cây trồng, vật kiến trúc ngày 17/11/2015 thì diện tích đất này do ông Phạm Hồng H tự khai phá năm 2003. Theo Bản đồ minh họa vị trí thửa đất do Ban Quản lý rừng phòng hộ P lập ngày 23/7/2007 thể hiện ông Phạm Hồng H có sử dụng (BL 67) diện tích 4.356,2m<sup>2</sup> nằm trong dự án rừng phòng hộ P, hiện trạng đất trống, không có thành quả lao động. Căn cứ Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì thời điểm ông H được xác định bắt đầu sử dụng đất là vào năm 2003. Tuy nhiên, vào thời gian này, diện tích đất bị thu hồi đã được giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ P. Gia đình ông H không thuộc diện được nhận khoán đất rừng. Việc gia đình ông H trước đây không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai không có nghĩa là việc sử dụng đất của gia đình ông H là có căn cứ pháp lý và đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 13 Nghị định 47/2014/NĐ-CP cho rằng ông D đủ điều kiện được bồi thường giá trị quyền sử dụng đất là đánh giá không đúng thực tế quản lý, sử dụng diện tích đất bị thu hồi, vận dụng không đúng quy định pháp luật về điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất.

Các thiếu sót của UBND thành phố P trong quy trình ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cần phải rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, yêu cầu được bồi thường đối với diện tích đất bị thu hồi của ông D là không có căn cứ để chấp nhận.

Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh D về việc hủy Quyết định số 8986/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Cấp treo và quần thể vui chơi giải trí biển HT - P.

[3] Ông Phan Thanh D phải chịu án phí hành chính sơ thẩm nhưng được miễn. Ủy ban nhân dân thành phố P không phải chịu.

[4] Do kháng cáo được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân thành phố P không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản điểm a khoản 2 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính.

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 47/2022/HCST ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh D về việc yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 8986/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thành phố P) về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án cấp treo và quần thể vui chơi giải trí biển HT – P tại thị trấn A, xã HT, huyện P (nay là thành phố P), tỉnh Kiên Giang.

2/. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Phan Thanh D được miễn.

3/. Án chí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố P không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả Ủy ban nhân dân thành phố P tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0007247 ngày 30/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

4/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Tuấn Vinh**

**Lê Văn An**

**Trần Thị Thu Thủy**